

Số: 39 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 17 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu

Thực hiện Công văn số 6388/BTNMT-BĐKH ngày 02/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH).

Thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH; Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 13/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 28/10/2019 thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH (gọi tắt là *Kế hoạch số 148/KH-UBND*).

Qua rà soát tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH của tỉnh Kiên Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

1. Về nhiệm vụ “Xây dựng, cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 của tỉnh Kiên Giang”:

Theo Công văn số 180/BTNMT-KHTC ngày 12/01/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn sự nghiệp), trình UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 08/5/2019 về việc điều chỉnh Đề cương và dự toán kinh phí nhiệm vụ “Cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh”. Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường cùng với đơn vị tư vấn đang tích cực tiếp tục tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

2. Về nhiệm vụ “Đánh giá khí hậu tỉnh Kiên Giang”:

Xây dựng nội dung nhiệm vụ theo hướng dẫn tại Công văn số 180/BTNMT-KHTC ngày 12/01/2018, trình UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 về việc phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí nhiệm vụ.



vụ “Đánh giá khí hậu tỉnh Kiên Giang”. Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhiệm vụ “Đánh giá khí hậu tỉnh Kiên Giang” và đang tiếp tục tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

3. Tổ chức thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh (Kế hoạch số 148/KH-UBND) về thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang:

3.1. Quản lý chống xói mòn, sạt lở ven biển phục hồi rừng ngập mặn và cải thiện sinh kế cho dân cư ven biển (tương ứng nhiệm vụ số 23 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Tình hình sạt lở ven biển: Qua theo dõi từ năm 2009 đến nay, bãi bồi ven biển không ổn định và thay đổi theo từng năm; hiện tượng bồi, lở bờ biển theo mùa, theo điều kiện thời tiết cũng như dòng chảy theo các kênh thoát lũ ra biển, mặt dù có những đoạn được bồi đắp nhưng vẫn không đáng kể; tình hình xói lở vẫn nhiều hơn là bồi tụ. Tổng chiều dài bờ biển bị sạt lở khoảng 86,6 km, trong đó có khoảng 34 km sạt lở nghiêm trọng ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của khoảng 250 hộ dân, cụ thể trên địa bàn 03 huyện: Hòn Đất, An Biên và An Minh, diện tích bị sạt lở trong 10 năm qua khoảng 300 ha.

Công tác phục hồi rừng ngập mặn: Đến nay, Kiên Giang đã triển khai trồng rừng ven biển từ nguồn vốn của Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh; tuy nhiên, ở những khu vực bị xói lở nêu trên thì chưa có khả năng thực hiện được do chi phí đầu tư phục hồi rừng ở các khu vực này quá lớn do yêu cầu phải có những giải pháp công trình phù hợp, đáp ứng được yêu cầu giám sóng, tạo được bãi bồi thì mới triển khai được. Trên cơ sở phục hồi rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang đã thực hiện các Dự án trồng rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu, theo kế hoạch được Trung ương phân bổ, gồm các dự án sau:

- Dự án gây bồi, tạo bãi trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển từ Bình Sơn đến Bình Giang huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang, đã triển khai trồng rừng hoàn thành 50 ha theo dự án được duyệt; đạt tỷ lệ 93,49% so với kế hoạch.

- Dự án gây bồi, tạo bãi, trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển xã Nam Thái, huyện An Biên, đã thực hiện trồng rừng hoàn thành 35 ha theo dự án được duyệt; đạt tỷ lệ 93,52% so với kế hoạch.

- Dự án Khôi phục và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015 - 2020, đã trồng rừng là 413,02 ha/519,20 ha, đạt tỷ lệ 79,55% quy mô diện tích dự án được duyệt.

- Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà giai đoạn 2016-2020, đang chuẩn bị triển khai trồng rừng với diện tích 203,91 ha; đạt tỷ lệ 52,49% so với kế hoạch.

3.2. Xây dựng hệ thống công trên đê biển Tây đoạn phía Bắc (từ Hà Tiên đến Rạch Giá) (KG11) (tương ứng nhiệm vụ số 38 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Dự án được phê duyệt theo Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 09/07/2007 của UBND tỉnh Kiên Giang; tổng mức đầu tư: 198.067.256.000 đồng. Đến nay đã đầu tư hoàn chỉnh 22 công trên tuyến đê biển bằng nguồn vốn Trái phiếu chính phủ.

3.3. Xây dựng hệ thống công trên đê biển Tây đoạn phía Nam (từ sông Cái Lớn đến ranh giới tỉnh Cà Mau) (KG12) (tương ứng nhiệm vụ số 38 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Dự án được phê duyệt theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 25/09/2008 của UBND tỉnh Kiên Giang; tổng mức đầu tư: 730.326.134.000 đồng, tổng cộng đầu tư 31 công, trong đó:

- Đã đầu tư hoàn chỉnh 06 công bằng nguồn vốn Trung ương và địa phương.
- 09 công thuộc Tiểu dự án ĐTXD CSHT phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ NTTS huyện An Minh, An Biên tỉnh Kiên Giang thuộc dự án " Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL (MD - ICRSL) đang triển khai đấu thầu thi công.
- 16 công đang đề nghị điều chỉnh bằng nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương.

3.4. Xây dựng Đê biển, đường giao thông, dọc hành lang phía Tây đường ven biển, tỉnh Kiên Giang, đoạn phía Bắc (Hà Tiên đến Rạch Giá khoảng 85 km) (KG13) (tương ứng nhiệm vụ số 38 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Dự án được phê duyệt theo Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 12/07/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang; tổng mức đầu tư: 874.505.187.000 đồng. Dự án đã được phê duyệt, nhưng chưa có bố trí vốn để thực hiện.

3.5. Xây dựng Đê biển, đường giao thông, dọc hành lang phía Tây đường ven biển, tỉnh Kiên Giang, đoạn 2 phía Nam (Rạch Giá đến ranh giới tỉnh Cà Mau, khoảng 80 km) (KG13) (tương ứng nhiệm vụ số 38 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Dự án được phê duyệt theo Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 12/07/2011 của UBND tỉnh Kiên Giang; tổng mức đầu tư: 1.067.228.343.000 đồng. Dự án đã được phê duyệt, nhưng chưa được bố trí vốn để thực hiện.

3.6. Rà soát, quy hoạch thủy lợi tỉnh Kiên Giang có tính đến điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng (tương ứng nhiệm vụ số 28, 37 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Quy hoạch được phê duyệt theo Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 12/03/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang với tổng mức đầu tư thực hiện các công trình trong quy hoạch: 19.534.000.000.000 đồng.

3.7. Hệ thống hồ nước trên các huyện đảo Kiên Hải và Phú Quốc (tương ứng nhiệm vụ số 29 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

3.7.1. Dự án đầu tư xây dựng công trình hồ chứa nước Bãi Nhà huyện Kiên Hải:

Dự án được phê duyệt tại Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 26/12/2014; Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang với tổng mức đầu tư 72.320.465.000 đồng

- *Qui mô, công suất chính:*

+ Dung tích toàn bộ của hồ chứa: $V_{\text{hồ}} = 102.323 \text{ m}^3$;

+ Mức nước lớn nhất thiết kế: + 16,14 m;

+ Mức nước dâng bình thường: + 15,50 m;

+ Mức nước chết: + 7,00 m.

- *Tình hình triển khai thực hiện:*

+ Khởi công xây dựng năm 2016;

+ Dự kiến hoàn thành công trình năm 2019,

3.7.2. Dự án đầu tư xây dựng công trình hồ chứa nước Bãi Cây Mén:

Dự án được phê duyệt tại Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang với tổng mức đầu tư 120.000.000.000 đồng:

- *Qui mô, công suất chính:*

+ Dung tích toàn bộ của hồ chứa: $V_{\text{hồ}} = 190.830 \text{ m}^3$;

+ Mức nước lớn nhất thiết kế: +21,75 m;

+ Mức nước dâng bình thường: +21,10 m;

+ Mức nước chết: +12,50 m.

- *Tình hình triển khai thực hiện:*

Đang xét thầu gói thầu thi công; phương án bồi hoàn giải tỏa được phê duyệt ngày 12/8/2019.

3.8. Đầu tư xây dựng mô hình các kênh, hồ trữ nước ngọt phục vụ cho trữ nước ngọt vùng U Minh Thượng (*trương ứng nhiệm vụ số 30 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016*):

Đã đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước với tổng mức đầu tư 123 tỷ đồng, quy mô công suất 125 m³/h, sử dụng nước mặt với dung tích hồ trữ khoảng 600.000 m³ và tuyến ống chuyển tải dài trên 135 km, phục vụ cấp nước sạch cho khoảng 5.000 hộ dân tại 04 xã Vân Khánh, xã Vân Khánh Đông, xã Vân Khánh Tây, xã Đông Hưng A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Hiện nay, khối lượng đạt trên 65%, cụ thể: Phần nhà máy đang hoàn thiện, phần tuyến ống thi công khoảng 70/135 km, ... dự kiến đưa vào sử dụng cuối năm 2019.

3.9. Dự án đầu tư xây dựng công An Hòa, công Kênh Cụt (Rạch Sỏi) (tương ứng nhiệm vụ số 38 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

- Dự án được phê duyệt (điều chỉnh) theo Quyết định số 3905/QĐ-BNN-XD ngày 20/9/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với tổng mức đầu tư 276.554.000.000 đồng.

- Công nghệ xây dựng: Loại công hở, kiểu đập trụ đỡ.

- Công trình công bằng BTCT M400, khẩu độ công B = 66 m, gồm 3 khoang cửa, mỗi khoang rộng 22 m, cao trình ngưỡng công (-3.5 m), cao trình đỉnh cửa van (+2.5m), cao trình đỉnh tường biên, trụ pin (+3.00 m). Kết cấu thân công bằng BTCT M400 gồm: Trụ biên công dài 24,2 m dày 2,2 m, trụ giữa công dài 22 m dày 2,1 m, bộ trụ biên và bộ trụ giữa, 3 dầm đáy của 3 khoang mỗi dầm dài 11 m dày 1,0 m. Khung vây thi công trụ PIN và dầm van bằng cừ larsen IV kết hợp khung chống bằng thép hình và bê tông bịt đáy và bê tông lót khung vây:

+ Khởi công: Ngày 16 tháng 3 năm 2016;

+ Hoàn thành: Ngày 30 tháng 3 năm 2017;

+ Tổng nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng: Ngày 03 tháng 9 năm 2017.

3.10. Nghiên cứu xây dựng hệ thống khí sinh học trong chăn nuôi góp phần giảm nhẹ khí nhà kính và ô nhiễm môi trường (tương ứng nhiệm vụ số 5 Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Từ năm 2018 đến nay đã lắp đặt được 146 công trình hầm Biogas khí sinh học xử lý chất thải trong chăn nuôi các công trình sau khi được lắp đặt và đi vào hoạt động đã giúp các hộ gia đình tiết kiệm được chi phí GAS trung bình khoảng 240.000 đồng/tháng, góp phần quan trọng trong giảm ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.

3.11. Xây dựng mô hình thâm canh lúa: Chuyển dịch cơ cấu sản xuất lúa đã chuyển đổi từ cơ cấu 02 vụ lúa Đông Xuân - Hè Thu sang cơ cấu thâm canh 03 vụ lúa (tương ứng nhiệm vụ số 32 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Đông Xuân – Hè Thu – Thu Đông với diện tích gần 90.000 ha có đề bao kiểm soát lũ đảm bảo ở các huyện thuộc vùng Tây sông hậu (Giồng Riềng, Tân Hiệp) và ở vùng Tứ giác Long Xuyên (Hòn Đất). Trong đó: Thực hiện Dự án “Cánh đồng lớn” sản xuất theo VietGAP diện tích khoảng 63.000 ha. Bước đầu đã phát triển vùng sản xuất tập trung, sản phẩm làm ra có số lượng lớn, đồng nhất đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo mối liên kết giữa 04 nhà: Tăng giá trị nông sản và giảm giá thành sản xuất.

3.12. Nghiên cứu bảo tồn và phát triển các nguồn lợi thủy, hải sản, đặc biệt các loài có khả năng thích nghi kém với điều kiện môi trường (tương ứng nhiệm vụ số 22 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Thực hiện được các Dự án: Dự án Thu thập, lưu trữ, bảo tồn nguồn gen cá thát lát (*Notopterus notopterus*) tại tỉnh Kiên Giang từ cuối 2018 đến nay; thực hiện Đề tài nghiên cứu thử nghiệm ương giống và nuôi Ghẹ xanh (*Portunus pelagicus*) thương phẩm ở tỉnh Kiên Giang, xây dựng 02 quy trình kỹ thuật (ương và nuôi Ghẹ xanh). Tổng số con giống G1 là 788.203 con, sản phẩm con giống G2 được thả ra biển 13.576 con; Dự án thu thập, lưu giữ, bảo tồn nguồn gen cá Trê suối Phú Quốc tại tỉnh Kiên Giang: Xây dựng được 02 quy trình kỹ thuật nuôi vỗ cá bố mẹ và kích thích cho sinh sản tự nhiên, ương giống và kỹ thuật nuôi thương phẩm cá Trê suối Phú Quốc trên bề lót bạt đáp ứng nhiệm vụ bảo tồn gen. Đã nghiên cứu cho sinh sản tự nhiên, kết quả, trứng thu được 15.000 trứng, tổng số cá giống 1.470 con; Dự án “Thu thập, lưu giữ, bảo tồn nguồn gen cá Bớp (*Rachycentron canadum*) tại tỉnh Kiên Giang”: Kết quả nghiên cứu của dự án đã lưu giữ được 30 cá thể, bao gồm 10 con cá Bớp bố mẹ và 20 con cá Bớp hậu bị tạo ra đàn cá có nguồn gen thuần từ đó làm cơ sở cung ứng cho việc sản xuất giống có chất lượng cao và những nghiên cứu tiếp theo. Dự án đã giúp người dân ý thức hơn trong việc bảo tồn nguồn gen cá Bớp.

3.13. Xây dựng mô hình thâm canh nuôi tôm (KGL2) (tương ứng nhiệm vụ số 22 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Thực hiện mô hình “Nuôi tôm chân trắng công nghiệp 02 giai đoạn trong ao lót bạt đáy” thích ứng với biến đổi khí hậu tạo ra sản phẩm sạch, an toàn cho người tiêu dùng tại Trại thực nghiệm và sản xuất giống thủy sản Thứ Sáu Biển – An Biên và Trại thực nghiệm và sản xuất giống thủy sản Ba Hòn – Kiên Lương và 36 điểm tại các huyện, thành phố: Hà Tiên, Kiên Lương, Hòn Đất, Giang Thành, An Biên, Vĩnh Thuận và An Minh. Trại thực nghiệm và sản xuất giống thủy sản Thứ Sáu Biển – An Biên thực hiện mô hình nuôi tôm chân trắng siêu thâm canh hai giai đoạn trên hồ trải bạt, tiết kiệm nước, thân thiện môi trường, thích ứng với BĐKH, tạo ra sản phẩm an toàn, đạt chuẩn VietGAP; sản lượng đạt 2-3 tấn/hồ (500 m³/hồ). Mô hình thực hiện trình diễn trong dân: đạt năng suất từ 20-30 tấn/ha. Mô hình đạt hiệu quả kinh tế, mang lại lợi nhuận cho người nuôi, sản phẩm tạo ra đạt chứng nhận VietGAP, an toàn cho người tiêu dùng và góp phần giảm tác động xấu đến môi trường.

3.14. Chọn tạo khảo nghiệm giống cây trồng mới thích ứng cho các vùng chịu ảnh hưởng bất lợi của biến đổi khí hậu tỉnh Kiên Giang (tương ứng nhiệm vụ số 23, 32 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Đã lai tạo thành công giống lúa GKG35 được chọn tạo theo mục tiêu chống chịu với điều kiện sản xuất nhiễm mặn của tỉnh Kiên Giang. Đã đánh giá toàn diện về khả năng chống chịu mặn (CCM) trong điều kiện sản xuất ngoài đồng ruộng của giống lúa GKG35 được thực trên những vùng đất nhiễm mặn, độ mặn nước ruộng được duy trì ở mức 4‰.

3.15. Sử dụng năng lượng mặt trời để phát điện thay thế một phần điện diesel ở các đảo nhỏ ít người (theo Quy hoạch phát triển hệ thống lưới điện trên các đảo tỉnh Kiên Giang - trừ đảo Phú Quốc) (tương ứng nhiệm vụ số 10, 16 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):



Hầu hết các đảo đã có hoặc sẽ có lưới điện quốc gia thay thế cho điện diesel, trừ xã đảo Thổ Châu. Việc đầu tư điện năng lượng tái tạo cho Thổ Châu đã đưa vào danh mục kêu gọi đầu tư. Hiện nay đã có nhà đầu tư đang tìm hiểu, nghiên cứu để đầu tư điện gió, năng lượng mặt trời cho xã đảo Thổ Châu.

3.16. Sử dụng năng lượng gió để phát điện thay thế một phần điện diesel ở các đảo nhỏ ít người (theo Quy hoạch phát triển hệ thống lưới điện trên các đảo tỉnh Kiên Giang - trừ đảo Phú Quốc) (tương ứng nhiệm vụ số 10, 16 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Tương tự như đối với năng lượng mặt trời nêu trên, hiện nay hầu hết các đảo đã có hoặc sẽ có lưới điện quốc gia thay thế cho điện diesel, trừ xã đảo Thổ Châu. Hiện nay đang có nhà đầu tư đang tìm hiểu, nghiên cứu để đầu tư điện gió, năng lượng mặt trời cho xã đảo Thổ Châu.

3.17. Triển khai thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo đề án tiết kiệm điện tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020 (tương ứng nhiệm vụ số 21 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 19/4/2016 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2016-2020; thành lập Ban Chỉ đạo sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 1931/CT-UBND ngày 15/9/2017 về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Năm 2018, Sở Công Thương đã tổ chức được 04 lớp tập huấn, phổ biến kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Thường xuyên quan tâm tăng cường công tác kiểm tra và giám sát việc thực hiện kế hoạch tiết kiệm năng lượng, kiểm toán năng lượng của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm.

3.18. Cấp điện nông thôn từ nguồn năng lượng tái tạo ngoài lưới điện quốc gia tỉnh Kiên Giang (tương ứng nhiệm vụ số 21 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Tỉnh đang thực hiện thủ tục đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định (đã thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, đang trình HĐND tỉnh) và trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn cho dự án.

3.19. Nhiệm vụ “Cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 của địa phương” và nhiệm vụ “Đánh giá khí hậu tỉnh Kiên Giang” (tương ứng nhiệm vụ số 21 của Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016):

Về nhiệm vụ “Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với Biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của địa phương”, Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường cùng với đơn vị tư vấn đang tích cực triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ, dự kiến tổ chức hội thảo tham vấn ý kiến đóng góp các sở, ban, ngành, các chuyên gia và các đơn vị tổ chức cá nhân có liên quan vào tháng 9 năm 2019; hoàn thiện nội dung, gửi dự thảo tham vấn Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

Về nhiệm vụ “Đánh giá khí hậu địa phương”, về cơ bản đã xây dựng nội dung nhiệm vụ theo hướng dẫn tại Công văn số 180/BTNMT-KHTC ngày 12/01/2018, tỉnh đang xem xét phê duyệt đề cương nhiệm vụ.

3.20. Đào tạo, chuyển đổi ngành nghề, tạo việc làm cho lao động nông nghiệp:

Việc phát triển sản xuất nông nghiệp tạo ra sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân vùng nông thôn đã có chuyển biến tích cực theo định hướng cơ cấu lại sản xuất. Đến nay các địa phương và Trung tâm Khuyến nông tỉnh đã xây dựng hàng năm trên 100 mô hình sản xuất, bao gồm: Mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, mô hình nâng cao năng suất, mô hình ứng dụng công nghệ cao dần được hình thành, sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa.

Giải quyết việc làm từ 35.000 - 40.000 lao động nông thôn/năm, trong đó lao động qua đào tạo nghề nông nghiệp đạt 67% (có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50%).

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, NGUYÊN NHÂN KHÓ KHĂN TRONG THỰC HIỆN (thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH)

Nhìn chung, các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp, các ngành tích cực tổ chức triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả. Thông qua đó đã huy động được cả hệ thống chính trị, các ngành, các cấp và nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia thực hiện công tác chủ động ứng phó với BĐKH, phát huy hiệu quả thiết thực cho địa phương nói riêng và vùng ĐBSCL nói chung trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang ngày càng diễn biến phức tạp. Bên cạnh những thuận lợi, cũng còn một số khó khăn thách thức như:

- Yếu tố liên kết vùng chưa được quan tâm đúng mức trong xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ở giai đoạn vừa qua.

- Nhu cầu đầu tư các dự án thích ứng với BĐKH, khắc phục sạt lở bờ biển, bờ sông của tỉnh là rất lớn nhưng nguồn vốn của địa phương chưa đáp ứng. Việc huy động các nguồn lực đầu tư cho việc xây dựng các công trình hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

- Lực lượng quản lý nhà nước trong lĩnh vực BĐKH còn hạn chế về số lượng, khó đảm trách toàn vẹn nhiều công việc, đặc biệt trong tình hình BĐKH ngày càng diễn biến phức tạp.

Nguyên nhân dẫn đến hạn chế này gồm:

- Nguyên nhân khách quan: Nguồn vốn do Trung ương phân bổ cho địa phương vào quý cuối năm, thêm vào đó thời gian thực hiện bị ảnh hưởng bởi các kỳ nghỉ Tết nên việc triển khai thực hiện chương trình thiếu tính chủ động dẫn đến triển khai thực hiện nhiệm vụ chưa đảm bảo tiến độ.

- Nguyên nhân chủ quan: Lực lượng quản lý nhà nước trong lĩnh vực BĐKH còn hạn chế về số lượng khó đảm trách toàn vẹn nhiều công việc, đặc biệt trong tình hình BĐKH ngày càng diễn biến phức tạp.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH; Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 13/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH; Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 về Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Khẩn trương tổ chức thực hiện hai nhiệm vụ thực hiện Hợp phần ứng phó BĐKH thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020 gồm nhiệm vụ “Xây dựng, cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với Biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 của địa phương” và nhiệm vụ “Đánh giá khí hậu tỉnh Kiên Giang”.

- Tăng cường quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; nâng cao trách nhiệm và năng lực cho cán bộ các cấp trong công tác ứng phó với BĐKH.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các Bộ, ngành Trung ương nhằm nâng cao tính chủ động, nhất là chủ động về xây dựng kế hoạch, huy động và sử dụng nguồn vốn ứng phó với BĐKH trong thời gian tới.

- Chủ động liên kết, phối hợp với các tỉnh, thành trong nước, đặc biệt là các tỉnh vùng ĐBSCL trong công tác ứng phó với BĐKH; chú trọng phòng ngừa, ứng phó với tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức về BĐKH đến toàn thể các tầng lớp nhân dân, trang bị các kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết để thích ứng với các tác động tiêu cực của BĐKH và nước biển dâng.

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị đối với Chính phủ:

- Tiếp tục đầu tư, hỗ trợ kinh phí để tỉnh Kiên Giang thực hiện các dự án Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, Chương trình mục tiêu ứng phó BĐKH và tăng trưởng xanh; Chương trình hỗ trợ ứng phó với BĐKH (SP-RCC); tăng cường đầu tư ngân sách, ưu tiên triển khai các dự án, công trình trọng điểm về ứng phó BĐKH mang tính liên vùng, liên ngành.

- Quan tâm việc phân bổ vốn kịp thời để triển khai kế hoạch trồng rừng đúng thời vụ, tạo thuận lợi cho công tác trồng rừng tại địa phương.

2. Kiến nghị với các Bộ, ngành liên quan:

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan sớm nghiên cứu tham mưu Chính phủ xây dựng hệ thống và cơ chế báo cáo, giám sát, đánh giá phù hợp mang tính hệ thống, tổng thể, đặc biệt là cơ chế báo cáo, giám sát đối với các dự án ứng phó BĐKH và đối với nhiệm vụ kiểm kê khí nhà kính.

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tăng cường hợp tác quốc tế nhằm khai thác sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ, kinh nghiệm và tri thức của các tổ chức quốc tế trong ứng phó với BĐKH.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH của tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- VP.TT Biến đổi khí hậu tỉnh KG;
- LĐVP, PKTCN;
- Lưu: VT, đtnha.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

